

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường Hương lộ 7 tại xã Tân Bình và xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024;

Trên cơ sở Văn bản số 4340/STC-HĐTĐGD ngày 01 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng thẩm định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất



thực hiện dự án mở rộng đường Hương lộ 7 tại xã Tân Bình và xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 734/TTr-STNMT ngày 07 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường Hương lộ 7 tại xã Tân Bình và xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung sau:

1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng đường Hương lộ 7 tại xã Tân Bình và xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

- Diện tích đất định giá: Với diện tích 10.908,8m² (gồm 2.875,9m² tại xã Tân Bình và 8.032,9m² tại xã Bình Lợi).

- Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp và đất ở nông thôn.

- Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo 10 tờ Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 97/TLBD, tỷ lệ 1/1000 do Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng 6 thực hiện ngày 05/9/2020 và Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh kiểm tra ngày 10/9/2020.

- Việc xác định vị trí các thửa đất để tính tiền bồi thường thực hiện theo quy định tại Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh.

2. Phê duyệt kết quả định giá đất

Giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng đường Hương lộ 7 tại xã Tân Bình và xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu, cụ thể như sau:

Stt	Loại đất	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
1	Đất ở tại nông thôn Đường tỉnh lộ 768 - Đoạn từ giáp ranh thành phố Biên Hòa (cầu Rạch Gốc) đến giáp ranh xã Thạnh Phú	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	ONT	9.597.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		7.678.000

Stt	Loại đất	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		4.799.000
2	Đất ở tại nông thôn đường Hương lộ 7 - Đoạn từ Đường tỉnh 768 (ngã 4 Bến Cá) đến đường Bình Lục - Long Phú (gần đình Bình Thảo)	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	ONT	8.013.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		6.410.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		4.007.000
3	Đất ở tại nông thôn đường Hương lộ 7 - Đoạn từ đường Bình Lục - Long Phú (gần đình Bình Thảo) đến ranh giới xã Bình Lợi	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	ONT	8.013.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		6.410.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		4.007.000
4	Đất ở tại nông thôn đường Hương lộ 7 - Đoạn qua xã Bình Lợi	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	ONT	5.053.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		4.042.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		2.527.000
5	Đất nông nghiệp trồng cây hằng năm, cây lâu năm Đường tỉnh lộ 768 (các đường nhóm I) tại xã Tân Bình	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	CLN, BHK, LUK	1.655.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		1.324.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		828.000
6	Đất nông nghiệp trồng cây hằng năm, cây lâu năm đường Hương lộ 7	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	CLN, BHK, LUK	1.490.000



Stt	Loại đất (các đường nhóm II) tại xã Tân Bình	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		1.192.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		745.000
7	Đất nông nghiệp trồng cây hằng năm, cây lâu năm đường Hương lộ 7 (các đường nhóm II) tại xã Bình Lợi	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	CLN, BHK, LUK	1.213.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		970.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		607.000
8	Đất trồng rừng sản xuất đường Hương lộ 7 (các đường nhóm II) tại xã Tân Bình	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	RSX	1.490.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		1.192.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		745.000
9	Đất trồng rừng sản xuất đường Hương lộ 7 (các đường nhóm II) tại xã Bình Lợi	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	RSX	1.213.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		970.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		607.000
10	Đất nuôi trồng thủy sản đường Hương lộ 7 (các đường nhóm II) tại xã Tân Bình	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	NTS	1.064.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		851.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		532.000

Stt	Loại đất	Vị trí	MĐSD	Giá đất định giá (đồng/m ²)
11	Đất nuôi trồng thủy sản đường Hương lộ 7 (các đường nhóm II) tại xã Bình Lợi	Vị trí 1 - Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50.	NTS	866.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100.		693.000
		Vị trí 1 - Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất.		433.000

Điều 2. Căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu tính toán lập phương án bồi thường về đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Cửu, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức